



VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)
Ngày phát hành: 02/12/2021 Ngày sửa đổi: 05/05/2023 Thay thế phiếu: 02/12/2021 Phiên bản: 1.1

MỤC 1: Định dạng

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp
Tên sản phẩm : VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)
Phân nhóm sản phẩm : Sản phẩm thương mại

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Keo

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà sản xuất

Vital Technical Sdn. Bhd.
No.93, Jalan Industri 3/3 Rawang Integrated Industrial Park,
48000 Rawang, Selangor, Malaysia.
T +603 60942088 - F +603 60992930

Nhà phân phối

MACVAD Ltd
39 Rawene Road, Birkenhead, Auckland,
0626
New Zealand
T +64 9376 4411

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4	H227	Theo các dữ liệu kiểm tra
Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 2	H315	Phương pháp tính
Tồn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2	H319	Phương pháp tính
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Kích ứng đường hô hấp	H335	Phương pháp tính

Văn bản các hạng mục nguy hiểm H : xem Mục 16
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Có thể gây kích ứng đường hô hấp, Gây kích ứng da nghiêm trọng, Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Ký hiệu tượng hình mức độ nguy hiểm (theo GHS UN) :



Từ cảnh báo (GHS UN)	: Cảnh báo
Các thành phần nguy hiểm	: ethyl 2-cyanoacrylate
Từ cảnh báo (GHS UN)	: H227 - Chất lỏng bắt cháy H315 - Gây kích ứng da nghiêm trọng H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp
Công bố phòng ngừa (GHS UN)	: P101 - Mang theo chai đựng hoặc nhãn hàng sản phẩm nếu đến gặp bác sĩ. P102 - Bảo quản tránh xa tầm tay của trẻ em.

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

- P103 - Đọc kỹ và tuân thủ theo hướng dẫn.
P210 - Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác.
Không hút thuốc.
P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hoi/khí dung.
P264 - Rửa tay, forearms and face kỹ sau khi xử lý.

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
ethyl 2-cyanoacrylate	Số CAS: 7085-85-0	≥ 90	Skin Irrit. 2, H315 Eye Irrit. 2, H319 STOT SE 3, H335

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Sơ cứu tổng quát : Call a poison center or a doctor if you feel unwell.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Call a poison center or a doctor if you feel unwell.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Wash skin with plenty of water. Cởi bỏ quần áo bị phơi nhiễm. Trong trường hợp có kích ứng da: Liên hệ bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Rửa lại với nước một cách cẩn thận trong vòng nhiều phút. Tháo kính sát trùng nếu có và nếu có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên lạc với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Call a poison center or a doctor if you feel unwell.

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Kích ứng.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Eye irritation.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Treat symptomatically.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Water spray. Dry powder. Foam. Carbon dioxide.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Nguy cơ hòa hoạn : Chất lỏng bắt cháy.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hòa hoạn : Toxic fumes may be released.

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Do not attempt to take action without suitable protective equipment. Thiết bị thở độc lập. Complete protective clothing.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Ventilate spillage area. No open flames, no sparks, and no smoking. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hoi/khí dung. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Do not attempt to take action without suitable protective equipment. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh thải ra môi trường.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Quy trình làm sạch : Take up liquid spill into absorbent material. Notify authorities if product enters sewers or public waters.

Các thông tin khác : Dispose of materials or solid residues at an authorized site.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác. Không hút thuốc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Chỉ sử dụng ở ngoài trời hoặc tại nơi có thông gió tốt. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hoi/khí dung. Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Biện pháp vệ sinh : Giặt lại quần áo bị phơi nhiễm trước khi tái sử dụng. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Always wash hands after handling the product.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh. Khóa lại. Bảo quản thùng chứa đóng kín.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

ethyl 2-cyanoacrylate (7085-85-0)

Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ - ACGIH - Giá trị Giới hạn Tiếp xúc Nghề nghiệp

Tên dùng	Ethyl cyanoacrylate
ACGIH TWA (ppm)	0,2 ppm
ACGIH STEL (ppm)	1 ppm
Nhận xét (ACGIH)	TLV® Basis: Eye & URT irr; asthma. Notations: DSEN; RSEN
đẫn chiếu pháp quy	ACGIH 2021

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Ensure good ventilation of the work station.

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay	: Protective gloves
Bảo vệ mắt	: Safety glasses
Bảo vệ da và cơ thể	: Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp
Bảo vệ đường hô hấp	: In case of insufficient ventilation, wear suitable respiratory equipment

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân



8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Màu sắc	: Colourless.
Mùi đặc trưng	: Pungent.
Ngưỡng mùi	: Không có
Điểm nóng chảy	: $\approx -31\text{ }^{\circ}\text{C}$
Điểm đông đặc	: Không có
Điểm sôi	: $\approx 214\text{ }^{\circ}\text{C}$
Tính dễ bắt lửa	: Chất lỏng bắt cháy
Giới hạn nổ dưới	: Không có
Giới hạn nổ trên	: Không có
Điểm cháy	: $\approx 82,5\text{ }^{\circ}\text{C}$
Nhiệt độ tự cháy	: $\approx 480\text{ }^{\circ}\text{C}$
Nhiệt độ phân hủy	: Không có
pH	: Không có
dung dịch pH	: Không có
Độ nhớt, động học (calculated value) (40 °C)	: Không có
Partition coefficient n-octanol/water (Log Pow)	: $\approx 0,776$
Partition coefficient n-octanol/water (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: $\leq 0,21\text{ hPa}$
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: Không có
Mật độ tương đối	: $\approx 1,043$
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: $\approx 4,32$
Độ hòa tan	: Nước: $\leq 0,024\text{ g/l}$
Độ nhớt, động lực	: 1,5 – 5 mPa·s
Particle size	: Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

The product is non-reactive under normal conditions of use, storage and transport.

10.2. Tính ổn định hóa học

Stable under normal conditions.

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

No dangerous reactions known under normal conditions of use.

10.4. Điều kiện cần tránh

Avoid contact with hot surfaces. Nhiệt. No flames, no sparks. Eliminate all sources of ignition.

10.5. Chất không tương hợp

Hiện chưa có thông tin bổ sung

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Under normal conditions of storage and use, hazardous decomposition products should not be produced.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa) : Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da) : Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp) : Không phân loại

ethyl 2-cyanoacrylate (7085-85-0)

LD50 qua tiêu hóa chuột	> 5000 mg/kg
LD50 qua da thỏ	> 2000 mg/kg

Ăn mòn da/kích ứng da : Gây kích ứng da nghiêm trọng.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da : Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm : Không phân loại
Khả năng gây ung thư : Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản : Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần) : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

ethyl 2-cyanoacrylate (7085-85-0)

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
--	-----------------------------------

Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại) : Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải : Không phân loại

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát : The product is not considered harmful to aquatic organisms nor to cause long-term adverse effects in the environment.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp) : Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn) : Không phân loại

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh
--	----------------------

ethyl 2-cyanoacrylate (7085-85-0)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh
--	----------------------

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Partition coefficient n-octanol/water (Log Pow)	≈ 0,776
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

ethyl 2-cyanoacrylate (7085-85-0)

Partition coefficient n-octanol/water (Log Pow)	≈ 0,776
---	---------

12.4. Tính lưu động dưới đất

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung
------------------------	--------------------------------

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 13: Được xem như dành cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Phương pháp xử lý chất thải	: Dispose of contents/container in accordance with licensed collector's sorting instructions.
-----------------------------	---

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
14.1. Số hiệu UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

UN RTDG

Không áp dụng được

IMDG

Không áp dụng được

IATA

Không áp dụng được

14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

VT-804 / VT-804C / VT-804NT 804 Super Glue (All Purpose)

Phiếu An toàn Hóa chất

according to the United Nations GHS (Rev. 10, 2023)

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành	: 02/12/2021
Ngày sửa đổi	: 05/05/2023
Thay thế phiếu	: 02/12/2021
Tên viết tắt và rút ngắn	: Số CAS - Chemical Abstract Service number ATE - Acute Toxicity Estimate EC50 - Median effective concentration Số EC - European Community number IATA - International Air Transport Association IMDG - International Maritime Dangerous Goods LC50 - Median lethal concentration LD50 - Median lethal dose LOAEL - Lowest Observed Adverse Effect Level N.O.S. - Not Otherwise Specified NOAEC - No-Observed Adverse Effect Concentration NOAEL - No-Observed Adverse Effect Level NOEC - No-Observed Effect Concentration OEL - Occupational Exposure Limit SDS - Phiếu An toàn Hóa chất

Bản đầy đủ của các câu H:	
Eye Irrit. 2	Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2
Flam. Liq. 4	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 4
Skin Irrit. 2	Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 2
STOT SE 3	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Kích ứng đường hô hấp
H227	Chất lỏng bắt cháy
H315	Gây kích ứng da nghiêm trọng
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H335	Có thể gây kích ứng đường hô hấp

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), UN (Liên Hợp Quốc)

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kỳ đảm bảo nào cho bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm.